

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 45



Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Đình Trường	Thành viên
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 1 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 1 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

Số tham chiếu: 61060845/18027608

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty"), được lập ngày 22 tháng 9 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		932.435.161.773	992.936.279.167
110	I. Tiền	4	21.642.694.837	15.558.653.641
111	1. Tiền		21.642.694.837	15.558.653.641
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		374.163.475.042	591.676.412.398
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	104.552.343.087	93.402.822.442
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	186.008.276.343	361.612.913.871
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	69.315.831.243	79.866.967.860
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	21.489.345.134	58.089.775.363
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.3	(7.202.320.765)	(1.296.067.138)
140	III. Hàng tồn kho	8	535.870.922.152	372.850.647.510
141	1. Hàng tồn kho		535.870.922.152	372.850.647.510
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		758.069.742	12.850.565.618
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	758.069.742	12.850.565.618
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.588.106.014.917	1.447.720.137.765
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	2.105.776.077
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	2.105.776.077
220	II. Tài sản cố định		1.370.010.392.871	1.233.474.842.123
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.352.115.090.143	1.227.187.949.250
222	Nguyên giá		2.623.398.045.761	2.351.026.629.909
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.271.282.955.618)	(1.123.838.680.659)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.895.302.728	6.286.892.873
228	Nguyên giá		27.162.779.249	14.750.860.332
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.267.476.521)	(8.463.967.459)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		57.909.347.582	81.844.391.820
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	57.909.347.582	81.844.391.820
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	123.181.921.223	99.876.753.503
251	1. Đầu tư vào công ty con		94.506.593.886	70.967.611.048
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		47.033.790.000	47.033.790.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.490.700.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(33.609.608.463)	(33.615.347.545)
260	V. Tài sản dài hạn khác		37.004.353.241	30.418.374.242
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	34.312.891.200	27.649.777.746
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		2.691.462.041	2.768.596.496
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.520.541.176.690	2.440.656.416.932

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		920.003.773.532	960.677.191.126
310	I. Nợ ngắn hạn		788.619.680.194	907.090.400.953
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	57.053.332.078	32.450.414.108
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	101.095.446.250	8.900.764.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.600.756.027	6.471.593.803
314	4. Phải trả người lao động		6.321.754.336	4.321.698.461
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	16.991.123.468	31.262.942.080
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	10.813.025.694	20.262.762.010
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	568.172.817.788	734.103.709.294
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	21.571.424.553	69.316.517.197
330	II. Nợ dài hạn		131.384.093.338	53.586.790.173
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	16.720.591.150	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	56.830.000.000	-
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	57.833.502.188	53.586.790.173
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.600.537.403.158	1.479.979.225.806
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.556.556.598.749	1.479.345.917.549
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		551.866.229.432	565.360.841.491
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		124.513.957.533	33.808.664.274
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		37.342.180.229	20.001.970.576
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		87.171.777.304	13.806.693.698
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		43.980.804.409	633.308.257
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	3.909.335.593	549.973.593
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22.2	40.071.468.816	83.334.664
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.520.541.176.690	2.440.656.416.932

Người lập
Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.804.721.265.048	1.482.325.397.675
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	702.144.900
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	1.804.721.265.048	1.481.623.252.775
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.570.750.637.039	1.331.300.205.809
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		233.970.628.009	150.323.046.966
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	15.830.464.886	4.188.229.194
22	7. Chi phí tài chính	26	45.484.947.083	39.500.537.071
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		37.173.284.811	36.250.139.965
25	8. Chi phí bán hàng	27	39.798.122.051	32.673.565.769
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	54.694.200.027	32.636.079.249
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		109.823.823.734	49.701.094.071
31	11. Thu nhập khác	28	1.101.747.957	5.344.616.415
32	12. Chi phí khác	28	8.156.577.926	6.777.969.579
40	13. Lỗ khác [40 = 31 - 32]	28	(7.054.829.969)	(1.433.353.164)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		102.768.993.765	48.267.740.907
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	13.597.216.461	10.983.119.007
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		89.171.777.304	37.284.621.900

Người lập
Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		102.768.993.765	48.267.740.907
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		133.332.974.522	108.253.491.288
03	Các khoản dự phòng		5.771.187.280	2.842.340.610
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		132.163.487	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.887.193.599)	(4.075.135.356)
06	Chi phí lãi vay	26	37.173.284.811	36.250.139.965
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		271.291.410.266	191.538.577.414
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		192.651.651.715	(112.539.960.466)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(160.949.478.480)	75.538.424.661
11	Tăng các khoản phải trả		32.716.019.985	22.418.115.002
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		5.686.230.145	(4.087.055.278)
14	Tiền lãi vay đã trả		(36.653.620.072)	(55.116.230.985)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(13.257.818.588)	(16.819.665.886)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.596.550.000	4.055.908.914
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.006.097.278)	(2.775.123.894)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		289.074.847.693	102.212.989.482
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(158.474.643.670)	(248.020.806.185)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(69.500.637.783)	(89.926.012.844)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		80.051.774.400	10.059.044.984
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(128.641.895.074)	(6.536.200.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		97.390.401.300	30.606.078.800
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.417.811.812	4.075.135.356
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(163.757.189.015)	(299.742.759.889)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.187.276.598.973	1.146.189.535.920
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.296.377.490.479)	(920.849.482.795)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(10.132.725.976)	(50.509.700.861)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(119.233.617.482)	174.830.352.264
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.084.041.196	(22.699.418.143)
60	Tiền đầu năm		15.558.653.641	38.258.071.784
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối năm	4	21.642.694.837	15.558.653.641



Người lập
Lê Huy Hùng



Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 826 (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 804).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 96,40% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 3. Theo đó, các hoạt động sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn (i)	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (ii)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (ii)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống (iii)	56,61%	56,61%	Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn (iv)	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

(i) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 155.000 cổ phần (tương đương 10% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn cho các cổ đông khác, qua đó, giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty này xuống 90%.

(ii) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc mua 240.000 cổ phần còn lại của Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (tương đương 21,05% vốn cổ phần) và 300.000 cổ phần còn lại của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (tương đương 22,23% vốn cổ phần) để nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty này lên 100%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các công ty này đang trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

(iii) Tại ngày 5 tháng 1 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc mua 1.180.000 cổ phần (tương đương 56,61% vốn cổ phần) tại Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống. Theo đó, Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

(iv) Tại ngày 8 tháng 6 năm 2016, Công ty cũng hoàn tất việc mua 18.000 cổ phần (tương đương 100% vốn cổ phần) tại Công ty Cổ phần Thương mại Thành An. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương mại Thành An đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công ty này đã hoàn thành thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn.

Trong năm, Công ty cũng đã hoàn tất việc sáp nhập hai công ty con, là Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn và Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh, về Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 vào ngày 22 tháng 9 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty trước đây bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Kể từ năm 2015 trở đi, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm sau để phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng trong năm nay được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng trong năm tài chính trước.

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 – 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí tiền thuê đất; và
- ▶ Các chi phí khác

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.14 *Nguồn kinh phí sự nghiệp*

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.234.039.973	401.342.012
Tiền gửi ngân hàng	20.408.654.864	15.157.311.629
	21.642.694.837	15.558.653.641

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
Cần trừ khoản phải thu khách hàng ngắn hạn với phải thu từ cho vay ngắn hạn	34.300.000.000	-
Cần trừ khoản trả trước cho người bán với phải trả do mua cổ phần	4.500.000.000	-
Chuyển đổi các khoản trái phiếu chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu	-	200.000.000.000
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.187.276.598.973	1.146.189.535.920
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.296.377.490.479)	(920.849.482.795)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	101.520.810.087	90.481.219.442
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory		
Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	8.925.000.000	41.404.653.938
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory		
Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	77.151.112.500	35.555.046.189
Các khoản phải thu khách hàng khác	15.444.697.587	13.521.519.315
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	3.031.533.000	2.921.603.000
TỔNG CỘNG	104.552.343.087	93.402.822.442
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn	(2.950.290.612)	(1.296.067.138)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	114.740.925.291	277.777.308.339
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân	87.241.876.087	202.455.971.496
Trả trước cho người bán khác	27.499.049.204	75.321.336.843
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	71.267.351.052	83.835.605.532
TỔNG CỘNG	186.008.276.343	361.612.913.871

5.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.296.067.138	361.042.253
Tăng do sáp nhập công ty con	129.327.265	-
Dự phòng trích lập trong năm	5.776.926.362	935.024.885
Số cuối năm	7.202.320.765	1.296.067.138
Trong đó:		
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	2.950.290.612	1.296.067.138
Dự phòng các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)	4.252.030.153	-

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn dưới 1 năm cho Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con của Công ty, với mức lãi suất 5%/năm để phục vụ việc sản xuất phân bón cung cấp cho vùng nguyên liệu. Khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty, Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và các hộ nông dân trồng mía.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.552.641.754	-	41.907.229.264	-
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(4.252.030.153)	8.504.060.306	-
Tạm ứng cho công nhân viên	1.003.467.995	-	2.293.757.839	-
Tiền cho vay không tính lãi để mua tài sản cố định tại công ty con	-	-	2.178.930.000	-
Tiền chuyển nhượng cổ phần	-	-	1.162.860.000	-
Các khoản phải thu công nhân viên	276.395.020	-	498.722.813	-
Phải thu khác	152.780.059	-	1.544.215.141	-
	21.489.345.134	(4.252.030.153)	58.089.775.363	-
Dài hạn				
Phải thu tiền đầu tư Dự án tưới nước nhỏ giọt	-	-	2.105.776.077	-
	-	-	2.105.776.077	-
TỔNG CỘNG	21.489.345.134	(4.252.030.153)	60.195.551.440	-
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác	12.985.284.828		47.406.785.057	
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan				
(Thuyết minh số 31)	8.504.060.306		10.682.990.306	
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan				
(Thuyết minh số 31)	-		2.105.776.077	

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	412.479.144.318	-	328.792.880.326	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	31.858.724.911	-	28.459.092.252	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.224.824.086	-	12.811.508.646	-
Công cụ, dụng cụ	1.163.774.166	-	573.007.666	-
Hàng hóa	75.144.454.671	-	2.214.158.620	-
TỔNG CỘNG	535.870.922.152	-	372.850.647.510	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	426.010.359.514	1.842.908.553.955	59.291.721.313	22.282.605.127	533.390.000	2.351.026.629.909
- Mua trong năm	-	3.389.430.561	709.090.909	413.684.620	-	4.512.206.090
- Đầu tư XD CB hoàn thành	142.421.222.442	97.233.031.718	-	-	-	239.654.254.160
- Nhận bàn giao tài sản do sáp nhập công ty con (i)	4.531.593.827	22.523.374.742	937.445.455	-	-	27.992.414.024
- Nhận điều chuyển tài sản từ công ty con (ii)	1.257.044.578	-	-	-	-	1.257.044.578
- Điều chuyển tài sản cho công ty con (iii)	(1.044.503.000)	-	-	-	-	(1.044.503.000)
Số cuối năm	573.175.717.361	1.966.054.390.976	60.938.257.677	22.696.289.747	533.390.000	2.623.398.045.761
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	199.846.663.329	545.040.805.217	39.124.900.804	18.088.679.594	-	802.101.048.944
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	190.532.159.261	863.126.773.002	49.694.929.338	20.310.421.645	174.397.413	1.123.838.680.659
- Khấu hao trong năm	19.537.635.488	113.746.303.310	2.634.080.506	657.720.518	50.369.400	136.626.109.222
- Nhận bàn giao tài sản do sáp nhập công ty con (i)	1.155.066.092	9.599.382.124	521.184.002	-	-	11.275.632.218
- Điều chuyển tài sản cho công ty con (ii)	(457.466.481)	-	-	-	-	(457.466.481)
Số cuối năm	210.767.394.360	986.472.458.436	52.850.193.846	20.968.142.163	224.766.813	1.271.282.955.618
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	235.478.200.253	979.781.780.953	9.596.791.975	1.972.183.482	358.992.587	1.227.187.949.250
Số cuối năm	362.408.323.001	979.581.932.540	8.088.063.831	1.728.147.584	308.623.187	1.352.115.090.143

(i) Theo Quyết định số 497/QĐ/ĐLS-HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2015 và Nghị quyết số 838/NQ/ĐLS-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh và Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn về Công ty, và nhận điều chuyển toàn bộ tài sản của các đơn vị này về Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

- (ii) Công ty đã nhận bàn giao một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc của Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn.
- (iii) Theo Quyết định số 498 QĐ/ĐLS-HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2015, Công ty đã bàn giao một số tài sản cho Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (iv) Công ty đã sử dụng một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2 làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1 và Thuyết minh số 18.2. Công ty cũng sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Trung tâm Công nghệ cao làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa như được trình bày tại Thuyết minh số 18.2.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	4.817.702.014	745.878.600	9.187.279.718	14.750.860.332
- Nhận điều chuyển từ công ty con (*)	-	12.411.918.917	-	12.411.918.917
Số cuối năm	4.817.702.014	13.157.797.517	9.187.279.718	27.162.779.249
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	279.704.475	8.184.262.984	8.463.967.459
- Hao mòn trong năm	-	188.626.343	614.882.719	803.509.062
Số cuối năm	-	468.330.818	8.799.145.703	9.267.476.521
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	4.817.702.014	466.174.125	1.003.016.734	6.286.892.873
Số cuối năm	4.817.702.014	12.689.466.699	388.134.015	17.895.302.728

- (*) Đây là các chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất được Nhà nước giao của Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước và được bàn giao từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Văn phòng làm việc, nhà ở (*)	21.084.077.986	21.084.077.986
Dự án Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước	-	23.248.210.129
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	31.451.859.237	30.161.090.391
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	5.343.861.981	-
Các dự án khác	29.548.378	7.351.013.314
TỔNG CỘNG	57.909.347.582	81.844.391.820

(*) Dự án Văn phòng làm việc, nhà ở chủ yếu bao gồm giá trị tài sản trên đất của dự án văn phòng làm việc khu Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội và được Công ty đầu tư từ năm 2012. Công ty hiện đang tạm dừng việc triển khai dự án này trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty con		94.506.593.886	(9.374.681.403)	85.131.912.483		70.967.611.048	(10.069.270.864)	60.898.340.184
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống (Thuyết minh số 1)	1.180.000	25.960.000.000	-	25.960.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng		21.396.593.886	-	21.396.593.886		21.396.593.886	-	21.396.593.886
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	1.395.000	13.950.000.000	-	13.950.000.000	1.550.000	15.500.000.000	(394.327.931)	15.105.672.069
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bà Thước	1.350.000	13.500.000.000	(815.003.425)	12.684.996.575	1.050.000	10.500.000.000	(665.309.239)	9.834.690.761
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Văn Sơn	1.140.000	11.400.000.000	(8.559.677.978)	2.840.322.022	900.000	9.000.000.000	(5.021.266.314)	3.978.733.686
Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn (Thuyết minh số 1)		8.300.000.000	-	8.300.000.000		-	-	-
Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn (*)		-	-	-		10.049.500.000	(790.493.710)	9.259.006.290
Trường Cao đẳng Nghề Lam Kinh (**)		-	-	-		4.521.517.162	(3.197.873.670)	1.323.643.492
Đầu tư vào công ty liên kết		47.033.790.000	(24.234.927.060)	22.798.862.940		47.033.790.000	(23.546.076.681)	23.487.713.319
Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển	2.150.000	21.500.000.000	(21.500.000.000)	-	2.150.000	21.500.000.000	(21.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	1.500.000	15.000.000.000	(308.807.274)	14.691.192.726	1.500.000	15.000.000.000	(227.594.401)	14.772.405.599
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	55.562	10.533.790.000	(2.426.119.786)	8.107.670.214	55.562	10.533.790.000	(1.818.482.280)	8.715.307.720
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	-	15.251.145.800		15.490.700.000	-	15.490.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	-	-	-	-	231.420	2.314.200.000	-	2.314.200.000
Công ty Cổ phần MB Land	-	-	-	-	90.000	900.000.000	-	900.000.000
TỔNG CỘNG		156.791.529.686	(33.609.608.463)	123.181.921.223		133.492.101.048	(33.615.347.545)	99.876.753.503

- (*) Theo Nghị quyết số 838NQ/ĐLS-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã hoàn tất việc sáp nhập Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, về Công ty vào ngày 1 tháng 12 năm 2015.
- (**) Theo Quyết định số 497QĐ/ĐLS-HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã ký biên bản thỏa thuận với Hiệp Hội Mía đường Lam Sơn, một tổ chức góp vốn khác tại Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh để sáp nhập đơn vị này về Công ty và hoàn trả cho Hiệp hội Mía đường Lam Sơn số tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tổ chức này trong tài sản thuần của Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh tại ngày sáp nhập.
- (***) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty con cũng như các khoản đầu tư góp vốn khác do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	46,31%	46,31%
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38,39%	38,39%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32%	32%

(i) Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800115518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 3 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại số 25A đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh và kinh doanh nhà kho, bến bãi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 46,31% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 32% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí kiểm tra, bảo trì, sửa chữa	-	9.697.414.940
Chi phí nguyên vật liệu	-	450.525.258
Chi phí trả trước tại Trung tâm công nghệ cao	93.064.743	106.315.864
Công cụ, dụng cụ	-	81.577.394
Chi phí trả trước khác	665.004.999	2.514.732.162
	758.069.742	12.850.565.618
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	20.601.289.786	20.334.780.127
Dự án tưới nước nhỏ giọt	3.237.165.219	3.668.787.243
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.754.613.076	393.181.567
Chi phí Dự án trồng mía giống tại Trung tâm Công nghệ cao	3.000.664.011	-
Chi phí trả trước khác	1.719.159.108	3.253.028.809
	34.312.891.200	27.649.777.746
TỔNG CỘNG	35.070.960.941	40.500.343.364

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Thanh Hóa	-	-	3.545.730.976	3.545.730.976
Phải trả đối tượng khác	36.084.624.888	36.084.624.888	25.141.188.974	25.141.188.974
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	20.968.707.190	20.968.707.190	3.763.494.158	3.763.494.158
TỔNG CỘNG	57.053.332.078	57.053.332.078	32.450.414.108	32.450.414.108

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.602.376.250	8.900.764.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lam Kinh	13.284.404.250	-
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toàn Lộc	-	6.246.540.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ Thăng Long	-	1.140.490.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	6.317.972.000	1.513.734.000
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	81.493.070.000	-
TỔNG CỘNG	101.095.446.250	8.900.764.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.942.987.421	24.686.635.279	(26.483.890.196)	1.145.732.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 30)	3.307.565.544	15.130.577.894	(13.257.818.588)	5.180.324.850
Thuế thu nhập cá nhân	10.471.680	214.572.641	(225.044.321)	-
Các loại thuế khác	210.569.158	817.433.296	(753.303.781)	274.698.673
TỔNG CỘNG	6.471.593.803	40.849.219.110	(40.720.056.886)	6.600.756.027

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng Dự án Trung tâm Công nghệ cao	6.136.942.545	22.056.496.818
Chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu	4.119.660.543	3.545.365.755
Chi phí vận chuyển	-	1.268.435.455
Chi phí lãi vay	2.060.655.047	1.203.056.258
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu		
mía	763.984.339	736.570.272
Các khoản chi phí phải trả khác	3.909.880.994	2.453.017.522
TỔNG CỘNG	16.991.123.468	31.262.942.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận (*)	-	7.720.591.150
Phải trả công ty con do điều chuyển tài sản cố định	4.983.000.443	7.675.813.039
Kinh phí công đoàn	1.403.493.837	1.646.119.325
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.329.061.412	1.264.445.075
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động (*)	-	850.000.000
Cổ tức phải trả	-	60.297.868
Các khoản phải trả khác	3.097.470.002	1.045.495.553
	10.813.025.694	20.262.762.010
Dài hạn		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận (*)	7.720.591.150	-
Phải trả tiền mua cổ phần (**)	7.900.000.000	-
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động (*)	1.100.000.000	-
	16.720.591.150	-
TỔNG CỘNG	27.533.616.844	20.262.762.010
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>14.650.616.401</i>	<i>12.586.948.971</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>4.983.000.443</i>	<i>7.675.813.039</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>7.900.000.000</i>	<i>-</i>
(*) Trong năm, Công ty đã phân loại các khoản phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận và bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác sang khoản mục phải trả dài hạn khác do các khoản mục này không phải thanh toán trong ngắn hạn.		
(**) Đây là khoản phải trả Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng, một công ty con của Công ty, liên quan đến các hợp đồng mua lại cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước và Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	731.123.709.294	731.123.709.294	1.083.221.598.973	(1.286.932.490.479)	527.412.817.788	527.412.817.788
Vay ngắn hạn đối tượng khác (*)	980.000.000	980.000.000	-	-	980.000.000	980.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	-	56.670.000.000	(18.890.000.000)	37.780.000.000	37.780.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	734.103.709.294	734.103.709.294	1.139.891.598.973	(1.305.822.490.479)	568.172.817.788	568.172.817.788
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	-	-	113.500.000.000	(56.670.000.000)	56.830.000.000	56.830.000.000
	-	-	113.500.000.000	(56.670.000.000)	56.830.000.000	56.830.000.000
TỔNG CỘNG	734.103.709.294	734.103.709.294	1.253.391.598.973	(1.362.492.490.479)	625.002.817.788	625.002.817.788

(*) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Quỹ khuyến học của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn căn cứ theo hợp đồng vay ngày 17 tháng 10 năm 2013 và hợp đồng vay ngày 4 tháng 11 năm 2014 với số tiền tương ứng là 800 triệu đồng và 180 triệu đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất 6,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 9 năm 2016. Lãi vay được trả tại ngày đáo hạn của khoản vay.

(**) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 12 năm 2011). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2017 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	430.719.115.706	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 10 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 15 tháng 2 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5% - 7,5%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	19.658.191.437	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 3 tháng 8 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa	51.035.510.645	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%	Một phần dây chuyền, máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	25.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 4 tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa	1.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 8 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
	527.412.817.788			

18.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa	94.610.000.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 12 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 28 tháng 1 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu là 7,7%/năm. Từ tháng thứ 7, lãi vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng	Toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án Trung tâm Công nghệ cao và hệ thống tuabin thuộc Nhà máy đường số 2
	94.610.000.000			
Trong đó Vay dài hạn đến hạn trả	37.780.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	69.316.517.197	68.818.230.563
Điều chuyển sang Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	(42.164.074.443)	-
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 21)	2.000.000.000	5.429.600.000
Giảm khác	(1.644.693.437)	-
Sử dụng quỹ trong năm	(5.936.324.764)	(4.931.313.366)
Số cuối năm	21.571.424.553	69.316.517.197

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	53.586.790.173	53.607.766.618
Trích lập quỹ trong năm	6.000.000.000	781.294.910
Nhận bàn giao quỹ KHCN từ Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	1.006.666.850	-
Sử dụng quỹ trong năm	(2.759.954.835)	(802.271.355)
Số cuối năm	57.833.502.188	53.586.790.173
<i>Trong đó:</i>		
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</i>	<i>16.078.330.428</i>	<i>10.690.980.173</i>
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</i>	<i>41.755.171.760</i>	<i>42.895.810.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	500.000.000.000	180.276.411.784	493.290.681.814	63.829.403.778	30.817.666.724	1.268.214.164.100
- Tăng vốn	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	37.284.621.900	37.284.621.900
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.601.400.000	-	(7.601.400.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.429.600.000)	(5.429.600.000)
- Tăng/(giảm) khác	-	(100.000.000)	639.355.899	-	1.237.375.650	1.776.731.549
- Điều chuyển quỹ theo Thông tư 200	-	-	63.829.403.778	(63.829.403.778)	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	700.000.000.000	180.176.411.784	565.360.841.491	-	33.808.664.274	1.479.345.917.549
Năm nay						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	700.000.000.000	180.176.411.784	565.360.841.491	-	33.808.664.274	1.479.345.917.549
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	89.171.777.304	89.171.777.304
- Hoàn nhập lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	-	-	(13.494.612.059)	-	13.494.612.059	-
- Chia cổ tức còn lại của năm 2014 (**)	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	538.903.896	538.903.896
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	180.176.411.784	551.866.229.432	-	124.513.957.533	1.556.556.598.749

(*) Đây là một phần giá trị của quỹ dự phòng tài chính được điều chuyển về Quỹ đầu tư phát triển theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và sau đó được chuyển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 532 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(**) Công ty đã thực hiện chia cổ tức còn lại của năm 2014 theo Nghị quyết số 554 NQ/ĐLS - HĐQT ngày 1 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(***) Công ty đã thực hiện tạm trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
TỔNG CỘNG	880.176.411.784	880.176.411.784	-	880.176.411.784	880.176.411.784	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	500.000.000.000
Tăng vốn trong năm	-	200.000.000.000
Số cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	10.132.725.976	50.509.700.861

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2014 - 2015: 10.000 VND).

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

21.5 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2014	10.500.000.000	22.500.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả (*)	42.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Cổ tức (tiếp theo)

- (*) Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty số 808 NQ/2015/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 11 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 600 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 357 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2016.

22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

22.1 Nguồn kinh phí

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	549.973.593	715.699.193
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	4.596.550.000	39.674.400
Chi sự nghiệp	(1.237.188.000)	(205.400.000)
Số cuối năm	3.909.335.593	549.973.593

22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	83.334.664	83.334.664
Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 19)	42.164.074.443	-
Sử dụng trong năm	(2.092.605.627)	-
Giảm khác	(83.334.664)	-
Số cuối năm	40.071.468.816	83.334.664

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) (*)	29.167.000.000	19.459.985.000
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.157	894
- Euro (EUR)	105	105

- (*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là giá trị của 2.040,5 tấn đường được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND		
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.804.721.265.048	1.482.325.397.675
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.279.299.042.493	1.390.364.604.292
Doanh thu bán hàng hóa	485.412.488.095	84.399.295.238
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.009.734.460	7.561.498.145
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(702.144.900)
Hàng bán bị trả lại	-	(702.144.900)
Doanh thu thuần	1.804.721.265.048	1.481.623.252.775
Trong đó:		
Doanh thu thành phẩm	1.279.299.042.493	1.389.662.459.392
Doanh thu bán hàng hóa	485.412.488.095	84.399.295.238
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.009.734.460	7.561.498.145
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	215.097.076.186	19.239.392.500
Doanh thu bán hàng cho các bên khác	1.589.624.188.862	1.462.383.860.275

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.124.926.812	4.075.135.356
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.292.885.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	379.902.348	113.093.838
Lãi thanh lý khoản đầu tư	32.750.726	-
TỔNG CỘNG	15.830.464.886	4.188.229.194

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.055.588.433.823	1.242.506.330.832
Giá vốn của hàng hóa đã bán	476.328.232.708	82.489.009.553
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.833.970.508	6.304.865.424
TỔNG CỘNG	1.570.750.637.039	1.331.300.205.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	37.173.284.811	36.250.139.965
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	2.517.030.000	-
Lỗ do sáp nhập công ty con	5.013.588.213	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	786.783.141 (5.739.082)	197.446.643 3.052.950.463
TỔNG CỘNG	45.484.947.083	39.500.537.071

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	7.076.994.203	6.621.220.313
Chi phí vận chuyển	22.112.253.619	19.412.539.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.562.423.523	4.546.818.617
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.523.873.371	1.293.757.604
Chi phí bán hàng khác	522.577.335	799.230.048
	39.798.122.051	32.673.565.769
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	15.539.472.536	13.260.188.939
Trích lập quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	6.000.000.000	781.294.910
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.760.979.993	5.878.084.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.470.076.589	7.148.329.578
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.923.670.909	5.568.181.789
	54.694.200.027	32.636.079.249
TỔNG CỘNG	94.492.322.078	65.309.645.018

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.101.747.957	5.344.616.415
Xuất bán phế liệu	1.027.380.000	-
Thu nhập từ xử lý công nợ lâu ngày	-	1.184.711.518
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	-	3.827.434.514
Thu nhập khác	74.367.957	332.470.383
Chi phí khác	(8.156.577.926)	(6.777.969.579)
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	(6.848.868.234)	(5.284.284.329)
Phạt vi phạm hành chính	(1.119.028.313)	-
Vật tư tiêu hủy	-	(781.691.503)
Chi phí tư vấn dự án cơ chế phát triển sạch CDM	-	(394.807.899)
Chi phí khác	(188.681.379)	(317.185.848)
LỖ KHÁC THUẦN	(7.054.829.969)	(1.433.353.164)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.003.622.119.884	1.004.487.428.745
Chi phí nhân công	53.546.797.765	45.199.675.119
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	126.484.106.288	106.357.703.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.831.712.453	41.757.921.568
Chi phí khác	43.529.569.451	43.495.224.260
TỔNG CỘNG	<u>1.275.014.305.841</u>	<u>1.241.297.953.168</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 676/CT-TTHT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho năm tài chính 2015 trở đi. Công ty cũng được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Xí nghiệp Cơ giới. Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, thuế suất thuế TNDN là 22% lợi nhuận chịu thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 20% lợi nhuận chịu thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.768.993.765	48.267.740.907
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	1.119.028.313	54.161.318
Chi phí khấu hao vượt mức quy định hiện hành	334.922.510	334.922.510
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy còn và nhà máy đường số 1)	6.848.868.233	5.284.284.329
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	288.000.000	192.000.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	182.081.212
Chi phí không được khấu trừ khác	-	177.227.273
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.292.885.000)	-
Thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp	(41.034.802)	-
Lợi nhuận từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	-	(3.432.626.615)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	102.025.893.019	51.059.790.934
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	102.025.893.019	51.059.790.934
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	51.059.790.934
Thu nhập chịu thuế suất 15%	102.025.893.019	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	15.303.883.953	11.233.154.007
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.307.565.544	9.144.112.423
Điều chỉnh giảm thuế TNDN năm 2013	-	(250.035.000)
Điều chỉnh giảm thuế TNDN cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	(1.706.667.492)	-
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	1.533.361.433	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(13.257.818.588)	(16.819.665.886)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	5.180.324.850	3.307.565.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Mía đường I	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Bán đường	23.353.904.761	-
		Phí gia công đường	9.682.860.000	-
		Mua đường thô	89.606.030.303	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Mua cổ phần	16.725.503.674	-
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	41.446.768.034	53.864.021.357
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	7.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	56.526.287.287	47.076.168.474
		Sử dụng dịch vụ	10.640.404.029	8.837.962.846
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Mua phân bón	851.997.000	84.540.000
		Cho vay ngắn hạn	69.500.637.783	89.926.012.844
		Thu hồi gốc vay	80.051.774.400	10.059.044.984
		Lãi vay phải thu	3.788.583.783	1.719.264.647
		Bán nguyên vật liệu	-	19.239.392.500
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	2.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Văn Sơn	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	38.149.788.842	3.358.784.114
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty con	Mua đường	92.572.476.192	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	51.181.928.773	100.894.774.021
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	191.743.171.425	-
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu	19.433.800.087	14.971.405.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 5.712.831.653 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	Công ty con	Bán thành phẩm	109.930.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Cho vay không lãi suất	2.921.603.000	2.921.603.000
			3.031.533.000	2.921.603.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền sản xuất	-	40.475.971.703
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	6.074.602.235	17.940.218.475
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền sản xuất	5.404.702.573	14.971.405.440
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	25.973.854.303	4.004.325.802
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	1.447.973.291	1.377.874.588
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	Công ty con	Dự án máy trồng mía	31.484.218.650	-
Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Công ty con	Dự án máy trồng mía	-	3.498.000.000
		Tạm ứng tiền làm đất	-	685.809.524
			71.267.351.052	83.835.605.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	69.315.831.243	79.866.967.860
			69.315.831.243	79.866.967.860
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Công ty con	Phải thu đầu tư dự án Rotocult	-	2.178.930.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	-	-
			8.504.060.306	10.682.990.306
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Phải thu tiền đầu tư dự án tưới nước nhỏ giọt	-	2.105.776.077
			-	2.105.776.077
Phải trả ngắn hạn người bán (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết		10.705.957.070	-
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty con	Phải trả chi phí dịch vụ	10.262.750.120	-
Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Công ty con	Phải trả chi phí dịch vụ	-	3.763.494.158
			20.968.707.190	3.763.494.158
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 14.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	79.214.670.000	-
Tổng Công ty Mía đường I	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Trả trước tiền mua đường	2.278.400.000	-
			81.493.070.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về điều chuyển Nhà máy gạch	4.983.000.443	7.675.813.039
			4.983.000.443	7.675.813.039
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về mua cổ phần	7.900.000.000	-
			7.900.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND		
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	3.656.904.299	4.038.117.706
TỔNG CỘNG	3.656.904.299	4.038.117.706

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 96,40% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có cam kết khoảng 17,9 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như được trình bày tại Thuyết minh số 21.5, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 357 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2016 phê duyệt việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 600 VND/cổ phiếu. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 này.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty

 _____ Người lập Lê Huy Hùng	 _____ Kế toán trưởng Lê Thị Huệ	 _____ Tổng Giám đốc Lê Văn Phương
--	--	---



Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

